

TÍN DỤNG Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

Credit in rural Vietnam

Đặng Phúc Danh¹ và Lê Thị Tiên²

¹Khoa KT&KDQT, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam

²Khoa KHXH&NNQT, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
dang.phuc@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Tín dụng nông thôn có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội tại vùng nông thôn Việt Nam. Tín dụng nông thôn không chỉ giúp nông dân và các cơ sở sản xuất nông nghiệp có vốn để đầu tư và phát triển, mà còn cải thiện đời sống của hộ gia đình nông thôn, tăng cường khả năng ứng phó với rủi ro có thể xảy ra. Hiện tại với sự quan tâm của Chính phủ và sự hỗ trợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tín dụng nông thôn sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn.

Abstract — Rural credit plays an important role in the socio-economic development of rural areas in Vietnam. Rural credit not only helps farmers and agricultural production establishments have capital for investment and development, but also improves the lives of rural households, enhancing their ability to cope with possible risks. Currently, with the attention of the Government and the support of the Bank for Agriculture and Rural Development, the Bank for Social Policies and the Vietnam Cooperative Bank, rural credit will continue to be an important driving force for economic development in rural areas.

Từ khóa — Tín dụng, nông thôn, credit, rural.

1. Giới thiệu

Ở thời điểm trước năm 1986, tín dụng ở nông thôn Việt Nam chủ yếu dựa vào các nguồn vay từ chủ đất và các tổ chức tư nhân. Hoạt động cho vay thường có lãi suất tương đối cao từ 20% đến 30% mỗi năm kèm theo điều kiện vay không thuận lợi cho hộ gia đình nông thôn. Trong giai đoạn này, hệ thống tín dụng nông thôn chưa phát triển. Các hợp tác xã nông nghiệp bắt đầu xuất hiện, tuy nhiên việc cung cấp tín dụng vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Từ năm 1986 đến hiện tại, một số ngân hàng thương mại tiêu biểu như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), bắt đầu cung cấp tín dụng cho nông nghiệp và nông thôn. Chính phủ đã cho phép thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (VBSP), Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (Co-opBank) để thực hiện hoạt động tín dụng hỗ trợ các hộ nghèo và các đối tượng chính sách tại vùng nông thôn. Số liệu cho thấy, Agribank hiện có hơn 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch khắp cả nước, cung cấp dịch vụ tài chính cho hàng triệu hộ gia đình (Tổng cục thống kê, 2023).

Hiện nay hệ thống tín dụng nông thôn tại Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ với sự tham

gia của một số ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô. Các chương trình tín dụng ưu đãi và bảo lãnh tín dụng của Chính phủ đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế ở nông thôn.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Giới thiệu về nông thôn ở Việt Nam

Vùng nông thôn Việt Nam với nông nghiệp là ngành chủ đạo, kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp với các hoạt động trồng trọt (lúa, ngô, cà phê, cao su, chè, trái cây...) và chăn nuôi (gia súc, gia cầm). Ngành nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng, có đóng góp lớn vào sản lượng và xuất khẩu của Việt Nam. Nông thôn có nhiều tiềm năng, đa dạng về tài nguyên (đất đai, nước, khoáng sản...), tuy nhiên cũng đang phải đối mặt với các vấn đề như suy thoái đất, nguồn nước và môi trường bị ô nhiễm.

Theo Tổng cục Thống kê (2023), mức sống trung bình của các hộ gia đình nông thôn đã tăng 3.5 lần từ năm 2000 đến 2023, tuy nhiên vẫn còn khá chênh lệch so với thành thị. Mức thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn đạt 2.8 triệu đồng/tháng vào năm 2023, thấp hơn nhiều so với 6 triệu đồng/tháng ở thành thị. Hạ tầng cơ sở như đường xá, trường

học, trạm y tế, và hệ thống nước sạch vẫn chưa được đầu tư đồng bộ ở một số khu vực. Chất lượng giáo dục và dịch vụ y tế ở nông thôn còn hạn chế với tình trạng thiếu giáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế. Tuy nhiên, đã có những nỗ lực cải thiện thông qua chương trình của nhà nước và các tổ chức phi chính phủ. Nông thôn Việt Nam giàu truyền thống văn hóa, với nhiều lễ hội, phong tục tập quán độc đáo, có sự gắn kết với nhiều hoạt động cộng đồng và các hình thức hỗ trợ lẫn nhau giữa các hộ gia đình nông thôn.

Nông thôn chiếm 60 - 65% tổng dân số Việt Nam. Cơ cấu dân số nông thôn có xu hướng già hóa do những người trẻ có xu hướng di cư đến các đô thị tìm việc làm. Tỷ lệ sinh ở nông thôn thường cao hơn so với thành thị, nhưng có xu hướng giảm dần theo thời gian do nhận thức và giáo dục về kế hoạch hóa gia đình được nâng cao. Dân cư nông thôn phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Mặc dù nông thôn có nguồn lao động dồi dào tuy nhiên tỷ lệ lao động qua đào tạo, có tay nghề còn thấp.

Theo Tổng cục Thống kê (2023), hệ thống giáo dục ở khu vực nông thôn Việt Nam đã có những bước cải thiện nhưng vẫn còn một số thách thức. Tỷ lệ trẻ em đến trường tại các khu vực nông thôn đã đạt khoảng 94% ở cấp tiểu học. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục tại nông thôn vẫn còn hạn chế do thiếu thốn về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Theo thống kê, 17% trường học ở các vùng nông thôn còn thiếu phòng học và trang thiết bị dạy học cần thiết, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên. Bên cạnh đó, đào tạo nghề và giáo dục bậc trung học phổ thông cũng gặp nhiều khó khăn khi tỷ lệ học sinh bỏ học ở khu vực nông thôn lên tới 7,5%, cao hơn so với mức trung bình chung cả nước.

Về y tế, nông thôn Việt Nam hiện có hơn 11.000 trạm y tế xã, tuy nhiên chỉ 75% trong số đó đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ bác sĩ trên dân số nông thôn vẫn còn thấp, trung bình là 1/2000 trong khi mức trung bình này ở các đô thị lớn là 1/500. Các dịch vụ y tế ở khu vực nông thôn chủ yếu tập trung vào chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, điều kiện y tế vẫn còn nhiều khó

khăn khi 60% trạm y tế không có đầy đủ trang thiết bị và tình trạng thiếu thuốc men vẫn còn phổ biến ở các vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở nông thôn năm 2023 vẫn duy trì ở mức 19%, cao hơn so với mức 12% ở thành thị.

Nông thôn Việt Nam đang trải qua quá trình chuyển đổi quan trọng với một số thay đổi về kinh tế, xã hội, nhân khẩu học và môi trường. Tuy nhiên với sự hỗ trợ từ Chính phủ và sự nỗ lực của người dân, nông thôn Việt Nam vẫn có tiềm năng lớn để phát triển trong tương lai.

2.2. Khái niệm

Tín dụng nông thôn là việc cung cấp các khoản vay và dịch vụ tài chính cho các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và các ngành nghề liên quan tại các khu vực nông thôn.

2.3. Cung cầu tín dụng

Cung tín dụng do các tổ chức tài chính cung cấp, chịu ảnh hưởng của chính sách tiền tệ, khả năng huy động vốn và rủi ro tín dụng.

Cầu tín dụng phụ thuộc vào nhu cầu vốn, chi phí vay vốn và khả năng trả nợ của người vay.

2.4. Thông tin bất cân xứng

Nhóm tác giả lược khảo từ nghiên cứu trước từ [2], thông tin bất cân xứng có hai dạng chính:

Thông tin bất cân xứng trước hợp đồng (adverse selection) xảy ra khi người cho vay (như ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tín dụng vi mô) không thể xác định chính xác mức độ rủi ro của người vay trước khi cung cấp khoản vay. Điều này có thể dẫn đến việc cung cấp vốn cho những người vay có rủi ro cao (khả năng trả nợ thấp) thay vì những người có khả năng trả nợ cao.

Thông tin bất cân xứng sau hợp đồng (moral hazard) xảy ra khi người vay thay đổi hành vi sau khi nhận được khoản vay, làm gia tăng rủi ro cho người cho vay. Ví dụ, người vay có thể sử dụng khoản vay không đúng mục đích đã cam kết hoặc có thể không tuân thủ các điều khoản đã thỏa thuận, dẫn đến khả năng không trả được nợ.

2.5. Phân loại tín dụng ở nông thôn

Theo lược khảo của nhóm tác giả, tín dụng ở nông thôn cơ bản được phân thành 3 loại:

Theo thời hạn vay gồm có tín dụng ngắn hạn, tín dụng trung hạn, tín dụng dài hạn.

Theo mục đích sử dụng gồm có tín dụng mục đích sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, tín dụng mục đích sử dụng trong thương mại, dịch vụ nông nghiệp và tín dụng mục đích sử dụng cho tiêu dùng.

Theo nguồn cung cấp tín dụng từ các tổ chức tài chính chính thức (chủ yếu từ Agribank, VBSP, Co-opBank và quỹ tín dụng nhân dân) hoặc từ nguồn tín dụng không chính thức (họ hàng, bạn bè, vay lãi ngoài).

2.6. Vai trò của tín dụng ở nông thôn

Tín dụng cung cấp vốn cho nông dân mua máy móc, giống cây trồng, phân bón và các vật tư nông nghiệp khác giúp cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm. Điều này đặc biệt quan trọng khi nông dân không có đủ vốn tự có để đầu tư vào mùa vụ hoặc chăn nuôi. Các khoản vay tín dụng cho phép nông dân mở rộng quy mô canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đầu tư vào máy móc hiện đại và áp dụng công nghệ mới, từ đó tăng cường hiệu quả sản xuất và giảm chi phí lao động.

Tín dụng giúp phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp như tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại tại nông thôn, tạo thêm cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Tín dụng giúp đa dạng hóa kinh tế nông thôn, giảm phụ thuộc vào nông nghiệp và tăng cường khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và các rủi ro khác.

Nhờ tiếp cận tín dụng, nông dân có cơ hội đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc giảm nghèo ở các khu vực nông thôn. Khi vốn tín dụng được đầu tư vào các dự án nông nghiệp hoặc các dự án phi nông nghiệp sẽ giúp tạo ra việc làm cho người dân địa phương, giảm áp lực di cư lao động đến các vùng đô thị.

Người dân có thể sử dụng tín dụng để xây dựng hoặc cải tạo nhà cửa, cải thiện điều kiện

sống và tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục. Tín dụng hỗ trợ các hộ nghèo, đặc biệt là phụ nữ ở nông thôn giúp nâng cao mức sống, chủ động tham gia vào các hoạt động kinh tế ở địa phương.

Tín dụng hỗ trợ các hoạt động sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích việc trồng rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và áp dụng các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường.

Qua việc vay vốn và trả nợ, người dân học cách quản lý tài chính cá nhân và kinh doanh có hiệu quả. Các chương trình tín dụng thường đi kèm với các khóa đào tạo về quản lý tài chính, kỹ thuật sản xuất và tiếp cận thị trường.

Tín dụng hỗ trợ phát triển từ các tổ chức tài chính tự quản, quỹ tín dụng nhân dân và hợp tác xã, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, hợp tác trong cộng đồng. Thông qua các tổ chức này, hộ gia đình nông thôn có thể chia sẻ kinh nghiệm và cùng nhau phát triển.

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ở nông thôn Việt Nam

Khả năng tiếp cận tín dụng ở nông thôn Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau, bao gồm cả yếu tố từ phía người vay và tổ chức cung cấp tín dụng. Dưới đây là một số nhân tố chính:

3.1. Điều kiện kinh tế của hộ gia đình

Một số hộ gia đình nông thôn có thu nhập ổn định và tài sản đảm bảo thường dễ dàng tiếp cận tín dụng hơn. Ngược lại, những hộ gia đình thu nhập thấp, không có tài sản thế chấp gặp khó khăn trong việc vay vốn. Theo Tổng cục thống kê (2023), chỉ 25% hộ gia đình nông thôn có tài sản thế chấp để vay vốn chính thức từ các tổ chức tín dụng. Trong khi đó, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 10.6% trong tổng số hộ gia đình nông thôn, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng.

3.2. Trình độ học vấn và kiến thức tài chính

Chủ hộ có kiến thức hạn chế về tài chính và quản lý tài sản sẽ gặp khó khăn trong việc làm thủ tục vay vốn và khả năng quản lý khoản vay. Trình độ học vấn thấp của chủ hộ hoặc

người đi vay cũng ảnh hưởng đến khả năng hiểu biết và tiếp cận các dịch vụ tín dụng.

3.3. Yếu tố xã hội và văn hóa

Phong tục, tập quán của một số cộng đồng ở nông thôn có thể không quen với việc vay vốn từ các tổ chức tài chính chính thức, do ảnh hưởng tâm lý sợ mang nợ phải trả.

Mạng lưới xã hội bao gồm các quan hệ xã hội và mức độ tín nhiệm trong cộng đồng có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng, ví dụ như sự tin tưởng vào các tổ chức tài chính tự quản hoặc quỹ tín dụng nhân dân hoạt động tại các địa phương.

3.4. Chính sách và thủ tục của các tổ chức tín dụng

Yêu cầu về tài sản thế chấp của nhiều tổ chức tín dụng là rào cản lớn đối với hộ gia đình nông thôn không có tài sản đảm bảo.

Thủ tục hành chính phức tạp và giấy tờ liên quan là rào cản đối với người dân nông thôn, đặc biệt là những người có trình độ học vấn thấp.

Lãi suất cao và các chi phí liên quan đến việc vay vốn cũng làm giảm khả năng tiếp cận tín dụng của hộ gia đình nông thôn.

3.5. Hệ thống hạ tầng tài chính và công nghệ

Mạng lưới chi nhánh và dịch vụ tài chính của hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng ít hiện diện ở nông thôn, làm hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính.

Công nghệ tài chính và sự thiếu hụt các dịch vụ tài chính số và công nghệ mới ở nông thôn khiến hộ gia đình nông thôn khó tiếp cận các hình thức tín dụng hiện đại như vay qua ứng dụng di động.

3.6. Hỗ trợ từ Chính phủ và các tổ chức quốc tế

Chính sách hỗ trợ tín dụng gồm các chương trình hỗ trợ tín dụng của Chính phủ và các tổ chức quốc tế có thể cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng của hộ gia đình nông thôn, chẳng hạn như các khoản vay ưu đãi, quỹ phát triển nông thôn. Các chương trình đào tạo về quản lý tài chính, kỹ năng kinh doanh giúp

nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng tín dụng hiệu quả của người dân nông thôn.

4. Thách thức và một số giải pháp

4.1. Những thách thức

Thách thức lớn nhất đối với tín dụng nông thôn là sự phụ thuộc vào thời tiết. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024), 65% thiệt hại từ nông nghiệp có nguyên nhân do thiên tai, dịch bệnh. Điều này dẫn đến các khoản vay tín dụng nông nghiệp có mức độ rủi ro cao.

Thiếu thông tin và kỹ năng có thể tạo ra một số khó khăn trong việc đánh giá khả năng trả nợ của người vay. Hộ gia đình nông thôn thường thiếu kiến thức về tài chính và kỹ năng quản lý vốn vay.

Nhiều vùng nông thôn vẫn chưa phát triển cơ sở hạ tầng để tiếp cận dịch vụ tài chính làm ảnh hưởng các hộ gia đình nông thôn bị hạn chế tiếp cận tín dụng ở các khu vực vùng sâu, vùng xa.

4.2. Một số giải pháp

Agribank, VBSP, Co-opBank, quỹ tín dụng nhân dân nên truyền thông về bảo hiểm nông nghiệp giúp bảo vệ nông dân giảm thiểu những tác động của thiên tai và biến động thời tiết đối với sản xuất nông nghiệp. Đây là giải pháp giúp hộ gia đình nông thôn duy trì ổn định tài chính và tiếp tục sản xuất ngay cả khi phải đối mặt với các rủi ro không thể lường trước được.

Agribank, VBSP, Co-opBank, quỹ tín dụng nhân dân cần phát triển thêm các sản phẩm tín dụng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng vay vốn, từ nông dân, hộ kinh doanh, đến các doanh nghiệp nhỏ. Các sản phẩm tín dụng có thể được phân loại theo thời gian vay, mục đích sử dụng, và khả năng hoàn trả. Việc đa dạng hóa giúp giải quyết nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất khác nhau, từ trồng trọt, chăn nuôi đến các ngành nghề phi nông nghiệp như tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, và thương mại.

Phát triển mạng lưới Agribank, VBSP, Co-opBank tại các khu vực nông thôn, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa. Điều này sẽ giúp hộ gia đình nông thôn dễ dàng tiếp cận các dịch

vụ tài chính hơn. Bên cạnh đó, Agribank, VBSP, Co-opBank cần đầu tư vào công nghệ tài chính (fintech) để giúp người dân tiếp cận tín dụng qua các phương tiện kỹ thuật số, như ứng dụng di động và dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Những công nghệ này sẽ giúp giảm chi phí giao dịch và tăng tính minh bạch trong các khoản vay.

Nâng cao trình độ hiểu biết về tài chính cho người dân nông thôn là yếu tố quan trọng để cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng. Chính phủ và Agribank, VBSP, Co-opBank có thể triển khai các chương trình giáo dục tài chính, cung cấp các khóa học ngắn hạn hoặc các buổi hội thảo về quản lý tài chính cá nhân, quản lý nợ và kinh doanh. Điều này sẽ giúp người dân biết cách quản lý nguồn vốn vay hiệu quả hơn và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Đẩy mạnh hợp tác giữa Agribank, VBSP, Co-opBank và quỹ tín dụng nhân dân để tăng cường khả năng huy động vốn và phân tán rủi ro. Việc hợp tác này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để chia sẻ thông tin về các khoản vay và người vay, giúp giảm thiểu rủi ro thông tin bất cân xứng.

5. Kết luận

Tín dụng nông thôn đóng vai trò không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế xã hội tại các vùng nông thôn Việt Nam. Tín dụng nông thôn không chỉ cung cấp nguồn vốn cho hộ gia đình nông thôn và các cơ sở sản xuất nông nghiệp, mà còn giúp nâng cao đời sống của người dân, cải thiện năng lực tài chính và khả năng ứng phó với các rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh và biến động thị trường. Qua việc phát triển các sản phẩm tín dụng đa dạng và áp dụng công nghệ tài chính, tín dụng nông thôn có thể góp phần quan trọng vào việc giảm nghèo, tạo thêm việc làm và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Để tiếp tục khai thác tiềm năng của tín dụng nông thôn, các tổ chức Agribank, VBSP, Co-opBank, quỹ tín dụng nhân dân cần có những cải tiến trong chính sách, thủ tục và nâng cấp cơ sở hạ tầng tài chính. Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức về tài chính cho người dân nông thôn, phát triển hệ thống tín dụng linh hoạt và mở rộng các chương trình tín dụng ưu đãi là những yếu tố quan trọng. Với sự hỗ trợ từ Chính phủ cùng sự hợp tác chặt chẽ giữa Agribank, VBSP, Co-opBank, tín dụng ở nông thôn sẽ tiếp tục là động lực cho sự phát triển ở nông thôn Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024). *Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024*.
- [2] Huỳnh Thế Du, Nguyễn Minh Kiều và Nguyễn Trọng Hoài (2005). *Thông tin bất cân xứng trong hoạt động tín dụng tại Việt Nam*. Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.
- [3] Nhóm Nghiên cứu Kinh tế Phát triển DERG (2015). *Tính sẵn có và hiệu quả của tín dụng ở nông thôn Việt Nam: Bằng chứng từ Điều tra Tiếp cận nguồn lực của hộ gia đình ở Việt Nam 2006 - 2008 - 2010*. Chương trình Phát triển nông nghiệp và nông thôn (ARD) - Đại sứ quán Hoàng gia Đan Mạch tại Việt Nam.
- [4] Nguyễn Minh Dũng (2016). *Quản lý hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mê Linh*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Tổng cục thống kê (2023). *Niên giám thống kê năm 2023*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [6] Võ Xuân Hội (2020). *Tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*. Luận án tiến sĩ - Trường Đại học Tây Nguyên.

Ngày nhận bài: 02/5/2024

Ngày phản biện: 30/8/2024

Ngày duyệt đăng: 25/9/2024